TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Lý Thị Bé Năm.
+ Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên toà: Bà Tăng Thị Điền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T**,** sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn, chồng bỏ nhà đi chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2009 và chung sống với người khác có con chung. Xét thấy hôn nhân không đạt mục đích nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần V, sinh ngày 07/4/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

* Bị đơn Trần Văn H đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 23/01/2018; Giấy chứng nhận kết hôn số 34, đăng ký ngày 24/5/2008 do UBND xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị T; Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú của Nguyễn Thị T; Bản sao Sổ hộ khẩu thường trú của Trần Văn H; Bản sao Giấy khai sinh của con chung Trần V; Bản khai ngày 04/4/2018 của con chung. Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Văn bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 56, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Trần Văn H, giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản vợ chồng không có, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Trần Văn H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Bị đơn Trần Văn H đã được Toà án thông báo và tống đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện, tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, đăng ký ngày 24/5/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh Trần Văn H không quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình, quan hệ chung sống với người phụ nữ khác và đã có con, hai bên đã ly thân nhau từ năm 2009. Xét thấy, anh Trần Văn H đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H có 01 con chung tên Trần V, sinh ngày 07/4/2008. Xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân, con chung do chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, được chị chăm sóc chu đáo, đồng thời tại bản khai ngày 04/4/2018 con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị T yêu cầu không buộc anh Trần Văn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần V Hưng, sinh ngày 07/4/2008. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ. Chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị T đã nộp (biên lai thu số 0001324 ngày 23/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) thành án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã H, huyện G, tỉnh BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy